

Bản án số 62 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18/9/2025

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung và cấp
đường nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đinh Thanh Hải

2. Bà Hà Thị Dung

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Miên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại Hội T xét xử, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc: “Ly hôn, nuôi con chung và cấp đường nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đ U sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị U , sinh năm 1994. Địa chỉ: Thôn P, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn P, xã N, tỉnh Thái Nguyên). Hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc n, bà Trịnh Thanh H, bà Trịnh Thị L U . Điều trú tại: Số 8, đường N, phường Cẩm T, thành phố Hải D U , tỉnh Hải D U . Nay là phường Thành Đông, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T , sinh năm 1992. Địa chỉ: Địa chỉ: Thôn Pác L, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn P, xã N, tỉnh Thái Nguyên). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Hoàng Thị U trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Ngày 14/ 6/2012, chị và anh Hoàng Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Sau khi kết hôn, anh chị cùng nhau sinh sống tại thôn P, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Anh chị chung sống với nhau hạnh phúc khoảng gần 10 năm và càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn.

Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về điểm sống, bất đồng trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái, chi tiêu trong gia đình và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp với nhau, nhất là về vấn đề kinh tế. Đầu năm 2022, anh T sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Khoảng 1 năm đầu sau khi sang Đài Loan thì anh chị vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, nhưng sau đó giữa đôi bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên chị U không còn liên lạc cho ông T vì anh T ngoại tình, có người khác ở bên ngoài, anh T từ lúc này cũng chỉ liên lạc về Việt Nam cho gia đình bên nội và con. Đến ngày 27/03/2023, chị cũng sang Đài Loan xuất khẩu lao động.

Chính vì cuộc sống vợ chồng xa cách nên anh chị không còn quan tâm đến nhau cũng như không còn nói chuyện với nhau nhiều nữa. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng để hòa giải và hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai gia đình cũng nhiều lần can thiệp nhưng mục đích hôn nhân không thể cứu vãn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Nay, chị U xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung cũng đã mất, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị U xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 người con chung là cháu Hoàng Anh D, sinh ngày 14/05/2012 và cháu Hoàng Thị K, sinh ngày 12/12/2014. Hiện nay, cả 02 cháu đang ở cùng với bà nội là Cà Thị T tại địa chỉ Thôn P, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn.

Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu D, cháu T cho bố là anh Hoàng Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Trước khi anh T về Việt Nam thì đề nghị Tòa án tạm giao cháu D, cháu Thoa cho bà nội là bà Cà Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hàng tháng chị U sẽ cấp dưỡng nuôi cháu D, cháu T là 3.000.000 đồng/tháng/2 cháu cho đến khi cháu D, cháu T đủ 18 tuổi trở lên.

Về tài sản chung: Chị U anh T không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị U anh T không có nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Văn T : Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án anh Hoàng Văn T đang lao động tại Đài Loan. Ngày 21/5/2025 anh Hoàng Văn T đã nhập cảnh về Việt Nam và cư trú tại thôn P, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn P, xã N, tỉnh Thái Nguyên). Tòa án đã triệu tập anh T nhiều lần tuy nhiên anh T không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập nên không lấy được lời khai của anh T.

Tòa án đã xác minh nội dung liên quan đến anh T với bà Cà Thị T (mẹ đẻ của anh T), bà T cung cấp thông tin: Chị U và anh T đăng ký kết hôn hợp pháp từ năm 2012, được UBND xã N cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nguyên nhân là do cả anh T và chị U có mối quan hệ khác bên ngoài, cả hai không liên

lạc với nhau từ năm 2022. Chị U hiện vẫn đang ở Đài Loan còn anh T đã về nước. Chị U làm đơn ly hôn, anh T đã biết tuy nhiên anh T không muốn ra Tòa án giải quyết. Nếu anh T và chị U ly hôn tôi muốn giao hai con cho anh T nuôi dưỡng vì bà T ở cùng nhà với anh T sẽ giúp anh T chăm sóc con. Anh T không đi xuất khẩu lao động nữa.

Tòa án đã ghi ý kiến của con chung là Hoàng Anh D và Hoàng Thị Kim T, cả hai con chung đều có nguyện vọng ở cùng bố là anh Hoàng Văn T .

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, thông qua đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

Về nội dung vụ án: Căn cứ điều 56, 81,82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình có nguyên đơn là chị Hoàng Thị U có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn (Nay là thôn P, xã N, tỉnh Thái Nguyên) và hiện đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài (Đài Loan). Do vậy, theo quy định tại Điều 28, Điều 37, Điều 469, 470 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam và Tòa án giải quyết là Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn (Nay là Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

[2]. Về sự vắng mặt của đ U sự: Nguyên đơn chị Hoàng Thị U có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hoàng Văn T đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị U và anh Hoàng Văn T .

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị U và anh T kết hôn vào ngày 14/6/2012 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Bắc Kạn. Xác định hôn nhân giữa chị Hoàng Thị U và anh Hoàng Văn T là hôn nhân hợp pháp.

Về tình cảm vợ chồng sau khi kết hôn thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc, về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng

về điểm sống, bất đồng trong việc chăm sóc, nuôi dạy con cái, chi tiêu trong gia đình và cách nhìn nhận cuộc sống của hai bên không phù hợp với nhau, nhất là về vấn đề kinh tế. Đầu năm 2022, anh T sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Khoảng 1 năm đầu sau khi sang Đài Loan thì anh chị vẫn thường xuyên liên lạc với nhau, nhưng sau đó giữa đôi bên xảy ra nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung nên anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Đến ngày 27/03/2023, chị cũng sang Đài Loan xuất khẩu lao động. Qua ý kiến của bà Cà Thị T cũng thể hiện giữa chị U và anh T đã không liên lạc, quan tâm đến nhau từ năm 2022. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị U về việc xin được ly hôn với anh Hoàng Văn T .

[4] Về con chung: Chị U và anh T có 02 con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 14/05/2012 và Hoàng Thị Kim T, sinh ngày 12/12/2014, các con đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sinh sống cùng với anh T . Khi ly hôn chị U yêu cầu được giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện chị U đang lao động ở Đài Loan, mặc dù không có ý kiến của anh T về việc nuôi con chung nhưng xét về điều kiện thực tế hiện nay anh T đã về nước và sinh sống ở Việt Nam hơn nữa bà Cà Thị T mẹ đẻ của anh T cũng có nguyện vọng được Tòa án giao con cho anh T nuôi dưỡng đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của các con nên đề nghị của chị U về việc giao con chung cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp nên được chấp nhận.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị U đề nghị cấp dưỡng nuôi hai con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 14/05/2012 và Hoàng Thị Kim Th, sinh ngày 12/12/2014, với số tiền là 3.000.000^d/tháng/02 con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh tại UBND xã Nghiên Loan về l U tối thiểu vùng tại xã N theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP, ngày 36/6/2024 của Chính Phủ thì mức l U tối thiểu vùng IV tại xã N là 3.450.000 đồng. Tại khoản 2 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định:

“1...

2. ... *Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng l U tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con*”.

Căn cứ vào quy định trên thì mức cấp dưỡng mà chị U đề nghị cấp dưỡng nuôi 02 con chung là chưa phù hợp do đó HĐXX quyết định chị U có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.800.000 đồng/tháng/01 con.

[6] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị U không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

T hợp anh T có yêu cầu thì được giải quyết trong vụ án khác.

[7] Về án phí: Chị Hoàng Thị U phải chịu toàn bộ án phí ly hôn và án phí cấp

đưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều Điều 28, Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị U .

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị U được ly hôn với anh Hoàng Văn T .

2. Về con chung: Giao hai con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 14/05/2012 và Hoàng Thị Kim Th, sinh ngày 12/12/2014 cho anh Hoàng Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Chị Hoàng Thị U có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Hoàng Thị U có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Hoàng Anh D, sinh ngày 14/05/2012 và Hoàng Thị Kim Th, sinh ngày 12/12/2014 với số tiền là 1.800.000đ/tháng/1con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ph U thực cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

Việc thi hành án được thực hiện theo Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Điều 357 có nội dung:

“1. T hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả t U ứng với thời gian chậm trả.

2. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật này; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”

Điều 468 có nội dung:

“1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.

T hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ T hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

T hợp lãi suất theo thỏa thuận vượt quá lãi suất giới hạn được quy định tại khoản này thì mức lãi suất vượt quá không có hiệu lực.

2. *T hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*”.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền: 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000077 ngày 18/4/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Kạn (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên). Chị Hoàng Thị U phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

" T hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ".

Chị Hoàng Thị U có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Hoàng Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- (Khi có hiệu lực);
- TAND tối cao;
- Các đ U sự;
- Lưu HCTP (03)
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Thúy

